TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 08/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 12/4/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 12/4/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2019/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T**,** sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H**,** sinh năm: 1980 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 23, Đường Huỳnh Văn Nghệ, KP Ninh Phước, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và Ông H tự nguyện kết hôn vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 6 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại KP Ninh Phước, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do Ông H thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ, đánh đập xúc phạm nhân phẩm của bà T nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà T xin được ly hôn với Ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Bảo Ngọc – sinh ngày: 09/02/2016. Hiện con vẫn sống chung với vợ chồng. Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà T và Ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Huỳnh Văn H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải của Ông H tại Tòa án thì:

Ông H thống nhất với bà T về quan hệ hôn nhân, thời gian hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, Ông H thừa nhận là có thường xuyên uống rượu, có cãi nhau nhưng không có đánh đập hoặc xúc phạm nhân phẩm của bà T, Ông H có ghen vì bà T lúc nào cũng nhắn tin thân mật với người đàn ông khác, bà T còn thừa nhận mối quan hệ này. Tuy nhiên vợ chồng với nhau, Ông H vẫn có thể bỏ qua để chăm lo cho gia đình, hiện Ông H vẫn làm việc ổn định để nuôi vợ con, mâu thuẫn vẫn chưa đến mức trầm trọng. Nay bà T xin ly hôn thì Ông H không đồng ý ly hôn với bà T vì Ông H còn yêu thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Bảo Ngọc – sinh ngày: 09/02/2016. Hiện con vẫn sống chung với vợ chồng. Do Ông H không đồng ý ly hôn nên Ông H không có ý kiến gì. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì Ông H xin được nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà T không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét sử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T.

Về hôn nhân: Cho bà T được ly hôn với Ông H.

Về con chung: Giao cho bà T nuôi con tên Huỳnh Bảo Ngọc – sinh ngày: 09/02/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và Ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết với nhau nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn H. Xét thấy Ông H cứ trú tại TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và Ông H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và Ông H là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù tại phiên tòa Ông H vắng mặt nhưng căn cứ vào biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải thì bà T và Ông H đều thừa nhận mâu thuẫn giữ vợ chồng phát sinh từ năm 2018. Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là Ông H thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ, đánh đập xúc phạm nhân phẩm của bà T nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Theo Ông H thì Ông H thừa nhận là là có thường xuyên uống rượu, có cãi nhau nhưng không có đánh đập hoặc xúc phạm nhân phẩm của bà T, Ông H có ghen vì bà T lúc nào cũng nhắn tin thân mật với người đàn ông khác. Tuy nhiên là vợ chồng với nhau, Ông H vẫn có thể bỏ qua để chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn vẫn chưa đến mức trầm trọng. Nay bà T xin ly hôn, Ông H không đồng ý ly hôn với bà T vì vẫn còn yêu thương vợ con. Tại phiên tòa, bà T không thừa nhận có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, Ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc bà T ngoại tình. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Ông H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hiện nay các bên không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay bà T xác định không còn tình cảm với Ông H và yêu cầu được ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà T và Ông H đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và Ông H có 01 con chung tên Huỳnh Bảo Ngọc – sinh

ngày: 09/02/2016. Hiện con đang sống chung với bà T, Ông H. Quá trình giải quyết vụ án, bà T xin được nuôi dưỡng con, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con, Ông H tuy không đồng ý ly hôn nhưng trong trường hợp cho ly hôn thì Ông H yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên ý kiến của mình. Xét thấy cháu Ngọc mới 38 tháng tuổi, vẫn còn quá nhỏ nên cần mẹ chăm sóc thì đảm bảo cuộc sống ổn định và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con hơn nên Hội đồng xét xử quyết định giao con tên Huỳnh Bảo Ngọc – sinh ngày: 09/02/2016 cho bà Lê Thị Thùy T là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà T và Ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thùy T được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Giao cho bà T nuôi con tên Huỳnh Bảo Ngọc – sinh ngày: 09/02/2016.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người khơng trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành nên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà T và Ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006458 ngày 26/02/2019.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

<u>Nơi nhận</u> :
-*TAND tỉnh Bình Phước*
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Tú